TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/KDTM-ST.
Ngày 13-9-2017.
V/v tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Trưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Như Thủy là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2017/TLST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần N.

Địa chỉ: khu phố L, phường K, thị xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thuỳ T, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2017). Có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH A.

Địa chỉ: Khu công nghiệp C, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn*: Ông D K là đại diện theo pháp luật của bị đơn (Chủ tịch kiêm tổng giám đốc). Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn*: Ông Trần Minh T là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Trần Minh T, Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ T trình bày:

Ngày 03/3/2015, Công ty cổ phần N (sau đây viết tắt là Công ty N) và công ty TNHH A (sau đây viết tắt là Công ty A) đã ký hợp đồng số CBC.TN.15/01 thi công xây dựng nhà máy A tại Khu công nghiệp C thuộc xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh với trị giá hợp đồng 32.600.000.000 đồng.

Theo điều khoản thanh toán tại hợp đồng CBC.TN.15/01, Công ty N nghiệm thu hoàn thành từng giai đoạn thi công công trình và Công ty A có nghĩa vụ thanh toán tương ứng theo từng giai đoạn, hoàn thành 100% giá trị thanh toán khi nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. Tuy nhiên, ngày 21/12/2015 nhà thầu đã hoàn thành công trình và tiến hành nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng nhưng Công ty A chỉ thanh toán được 29.829.000.000 đồng còn nợ lại 2.771.000.000 đồng.

Trong quá trình thi công công trình, có phát sinh một số công tác cần thi công thêm, hai bên đã ký Phụ lục hợp đồng số: PL01.CBC.TN.15/01 ngày 20 tháng 03 năm 2016 trị giá 664.868.692 đồng. Công ty N đã thi công hoàn thiện các công tác phát sinh. Công ty A đã thanh toán xong đối với số tiền 664.868.692 đồng theo phụ lục hợp đồng nhưng vẫn không thanh toán số nợ 2.771.000.000 đồng.

Trong quá trình vận hành nhà máy, Công ty A đã yêu cầu nhà thầu sửa chữa một số hạng mục trong "Punch list". Trong trách nhiệm bảo hành công trình, nhà thầu đã thực hiện sửa chữa xong toàn bộ và đã được đại diện chủ đầu tư ký xác nhận hoàn thành ngày 10/08/2016.

Công ty N đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu Công ty A trả số nợ còn lại nhưng Công ty A vẫn không trả.

Nay Công ty N yêu cầu Tòa án buộc Công ty A trả nợ gốc 2.771.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả trong năm 2016 và 04 tháng trong năm 2017 với lãi suất 13,5%/năm.

Bị đơn Công ty A đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, đại diện theo pháp luật của Công ty A chỉ nộp đơn xin gia hạn mà không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện hợp pháp của Công

ty A không đến Toà án trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 138, 144 của Luật Xây dựng; Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đại điện hợp pháp của Công ty A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ nhận thấy thực tế ngày 03/3/2015, giữa Công ty N và Công ty A đã ký hợp đồng số CBC.TN.15/01 thi công xây dựng nhà máy A tại Khu công nghiệp C thuộc xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh với trị giá hợp đồng 32.600.000.000 đồng và ngày 20 tháng 03 năm 2016, hai bên ký Phụ lục số: PL01.CBC.TN.15/01 trị giá 664.868.692 đồng. Sau quá trình thi công ngày 21/12/2015 Công ty N đã hoàn thành công trình và tiến hành nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. Công ty A đã thanh toán cho Công ty N được 08 đợt tổng cộng 30.493.868.692 đồng (trong đó đã thanh toán số tiền 664.868.692 đồng theo phụ lục hợp đồng) còn nợ lại 2.771.000.000 đồng. Mặc dù giữa hai bên không có ký đối chiếu công nợ nhưng bên bị đơn không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra theo các biên bản nghiệm thu từng hạng mục, nghiệm thu công trình, số tiền theo các hoá đơn mà Công ty N cung cấp phù hợp với những phiếu báo có của Ngân hàng thương mại cổ phần Q - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh về số tiền chuyển từ tài khoản Công ty A sang cho Công ty N. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty A đã thanh toán cho Công ty N tổng cộng 30.493.868.692 đồng, còn nợ lại 2.771.000.000 đồng. Nay Công ty N khởi kiện Công ty A yêu cầu thanh toán số nợ gốc 2.771.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 144 của Luật Xây dựng.

Về tiền lãi chậm thanh toán: Theo Hợp đồng thi công số CBC.TN.15/01 thỏa thuận bên chủ đầu tư phải thanh toán 100% giá trị công trình cho nhà thầu khi đưa công trình vào sử dụng. Ngày 21/12/2015, nhà thầu đã hoàn thành công trình, bên chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng nhưng Công ty A thanh toán còn nợ lại số tiền 2.771.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Do Công ty A chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Công ty N yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với lãi suất 13,5%/năm từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/4/2017 là 16 tháng x 13,5%/năm x 2.771.000.000 đồng = 498.780.000 đồng.

Căn cứ vào Điều 306 của Luật Thương mại nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả nhưng do nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi theo mức thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

Như phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 3.269.780.000 đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 2.771.000.000 đồng và tiền lãi là 498.780.000 đồng).

[3] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 144 của Luật Xây dựng; Điều 306 của Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình của Công ty cổ phần N đối với Công ty TNHH A.

Buộc Công ty TNHH A có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần N số tiền 3.269.780.000 (ba tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Án phí: Công ty TNHH A phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 97.395.600 (chín mươi bảy triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm) đồng.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 49.290.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008926 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TA T. Tây Ninh;
- VKS H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Văn Trưởng